

Bản án số 52/2017/HSPT
Ngày 03-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thiệm;

2. Bà Trần Minh Phương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Hà - cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSPT ngày 03 tháng 7 năm 2017 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. NAT, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông D, sinh năm 1968 và bà E (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. TVL, sinh năm 1988 tại Nghệ An; ĐKNKTT: Thôn F, xã G, huyện H, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Số 8/135/138 đường I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông L, sinh năm 1963 và bà M (đã chết), có vợ là N, sinh năm 1992 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. PHC, sinh năm 1988 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn O, xã P, huyện Q, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con bà R, sinh năm 1953; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. PVT, sinh năm 1993 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn 1 xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông U, sinh năm 1955 và bà V, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. HDN, sinh năm 1997 tại Hải Phòng; trú tại: Tổ dân phố W, phường X, quận Y, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Z, sinh năm 1963 và bà AA, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. PVK, sinh năm 1998 tại Hải Phòng; trú tại: Số 22 ngõ 5/2 đường AB, phường AC, quận AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông AE, sinh năm 1968 và bà AF, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. NKN, sinh năm 1996 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số 10/93/152 Đường AG, phường AH, quận AI, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 9/60/304 Đường AG, phường AH, quận AI, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông AJ, sinh năm 1971 và bà AK, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo, Tòa án không triệu tập:

8. VQH, sinh năm 1975 tại Hải Phòng; trú tại: Xóm AL, xã AM, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông AN, sinh năm 1941 và bà AO, sinh năm 1949, có vợ là AP, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

9. PKH, sinh năm 1994 tại Hải Phòng; trú tại: Tổ AQ phường AR, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông AS, sinh năm 1967 và bà AT, sinh năm 1969, có vợ là AU, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/12/2016, tạm giữ từ

ngày 01/01/2017 đến ngày 05/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Kiến An thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/12/2016, tại nhà kho chứa giày, dép thành phẩm của Công ty Cổ phần AV, địa chỉ: Số 129 đường I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng, tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang NAT, TVL, PHC, PVT, HDN, PVK, NKN, VQH và PKH đang đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền, thu giữ tại chiếu bạc gồm: 11.600.000 đồng, 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn. Thu giữ trong người PVT 200.000 đồng, PHC 700.000 đồng, VQH 27.910.000 đồng và một số vật dụng khác của các bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau:

NAT khai: Khoảng gần 12 giờ ngày 31/12/2016, sau khi đi ăn cơm trưa cùng mọi người về đến nhà kho chứa giày, dép thành phẩm của Công ty Cổ phần AV, NAT thấy có 04 quân bài vị hình tròn cất từ vỏ bao thuốc lá Vinataba, 01 đĩa sứ và 01 bát sứ, NAT cầm lên và trực tiếp xóc cái để mọi người cùng chơi. Lúc đầu, có khoảng 08 người chơi, lúc đông nhất có khoảng 10 người chơi, trong đó có PKH, TVL, VQH, PVT, PHC, HDN, NKN, PVK và một số người nữa không biết tên. Mức đặt tiền thấp nhất là 10.000 đồng, mức cao nhất không giới hạn, theo hai cửa chẵn và lẻ, tỷ lệ thắng- thua là 1-1. Số tiền trên chiếu bạc mỗi ván giao động từ vài trăm ngàn đồng đến hơn một triệu đồng. NAT bỏ ra 800.000 đồng để tham gia xóc đĩa, mỗi ván đánh khoảng từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. NAT xóc được khoảng 8-9 ván thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 11.600.000 đồng và bộ dụng cụ xóc đĩa nêu trên, NAT bị thua 100.000 đồng. NAT và mọi người đều tự giác chơi, NAT không giam tiền, không có ai thu hồ hay tổ chức cầm cố, cho vay tiền, tài sản.

TVL khai nhận: TVL sử dụng 900.000 đồng để tham gia xóc đĩa, đặt ván thứ nhất thắng được 50.000 đồng, đang tham gia ván thứ hai thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền của TVL 950.000 đồng.

PHC khai nhận: PHC sử dụng 890.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh thắng 130.000 đồng, bị Công an thu giữ tại chiếu bạc 320.000 đồng, thu trên người 700.000 đồng.

PVT khai nhận: PVT sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bị thua 110.000 đồng, bị Công an thu giữ tại chiếu bạc 90.000 đồng, thu giữ trên người 200.000 đồng.

HDN khai nhận sử dụng 355.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bị thu hết tiền.

PVK khai nhận sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh thắng 50.000 đồng, bị Công an thu tại chiếu bạc 350.000 đồng.

NKN khai nhận sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bị thua 40.000 đồng, bị Công an thu giữ tại chiếu bạc 60.000 đồng.

VQH và PKH khai nhận mỗi người sử dụng 60.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh đều bị thua hết.

Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 23/5/2017, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã:

Tuyên bố các bị cáo NAT, TVL, PHC, PVT, HDN, PVK, NKN, VQH và PKH đồng phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo (thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo NAT, VQH, PKH; Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo VQH, PKH; thêm khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 đối với VQH), xử phạt:

+ NAT: 12 tháng tù.

+ TVL: 10 tháng tù.

+ PHC: 10 tháng tù.

+ PVT: 06 tháng tù.

+ HDN: 06 tháng tù.

+ PVK: 06 tháng tù.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng.

+ NKN: 04 tháng tù.

+ VQH: 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ PKH: 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, tiền lãi chậm thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo NAT kháng cáo xin hưởng án treo, các bị cáo TVL, PHC, PVT, HDN, PVK, NKN kháng cáo xin giảm hình phạt.

Kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo NAT vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bị cáo TVL, PHC, PVT, HDN, PVK, NKN thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng thể hiện như sau:

Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Kiến An xét xử bị cáo NAT và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, nhân thân, tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo NAT: 12 tháng tù; các bị cáo TVL, PHC mỗi bị cáo 10 tháng tù; các bị cáo PVT; HDN; PVK mỗi bị cáo 06 tháng tù; bị cáo NKN 04 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo nộp tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo xuất trình đơn trình bày có hoàn cảnh khó khăn. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, có thể xem xét cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 2 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với các bị cáo PVT, HDN, PVK, NKN; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với các bị cáo NAT, TVL, PHC. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa phần hình phạt đối với các bị cáo VQH, PKH không kháng cáo để đảm bảo công bằng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THÁY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 31/12/2016, tại nhà kho chứa giấy, dép thành phẩm của Công ty Cổ phần AV, địa chỉ: Số 129 đường I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng, các bị cáo NAT, TVL, PHC, PVT, HDN, PVK, NKN, VQH và PKH có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền, bị bắt quả tang, thu trên chiếu bạc 12.500.000 đồng, do đó các bị cáo bị xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt các bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là tương xứng.

Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc từ 100.000 đồng đến 900.000 đồng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo đều nộp tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm, đều có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn và cam đoan chấp hành tốt quy định của pháp luật, thể hiện sự ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo có đơn bảo lãnh có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo NKN có ông ngoại tham gia cách mạng được tặng Huy chương Hạng Nhất, bị cáo PVT có ông ngoại tham gia cách mạng được tặng Huân chương Hạng Nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét các bị cáo đều là người lao động, do ham vui nên có hành vi đánh bạc trong giờ nghỉ trưa tại công ty, không mang tính chất chuyên nghiệp; hoàn cảnh gia đình đều khó khăn, là trụ cột trong gia đình; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, có thể chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với các bị cáo PVT, HDN, PVK, NKN; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với các bị cáo NAT, TVL, PHC như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Đối với các bị cáo VQH, PKH, tuy không kháng cáo nhưng tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất, phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân các bị cáo đều không

có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét có thể chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ (thuộc loại nhẹ hơn) đối với các bị cáo để đảm bảo công bằng.

Xét các bị cáo PVT, HDN, PVK, NKN, VQH, PKH đều là công nhân, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn khẩu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa bản án sơ thẩm,

Tuyên bố các bị cáo NAT, TVL, PHC, PVT, HDN, PVK, NKN, VQH và PKH đồng phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo NAT, TVL, PHC (thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo NAT), xử phạt:

+ NAT: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ TVL: 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ PHC: 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo NAT cho UBND xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; bị cáo TVL cho UBND phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; bị cáo PHC cho UBND xã P, huyện Q, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo PVT, HDN, PVK, NKN, VQH và PKH (thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo PKH, PVT, NKN; thêm khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 đối với VQH), xử phạt:

+ PVT: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ 31/12/2016 đến 05/01/2017, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ HDN: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ 31/12/2016 đến 05/01/2017, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ PVK: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ 31/12/2016 đến 05/01/2017, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ NKN: 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ 31/12/2016 đến 05/01/2017, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ VQH: 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ 31/12/2016 đến 05/01/2017, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ PKH: 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ 31/12/2016 đến 05/01/2017, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo PVT cho UBND xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng; bị cáo HDN cho UBND phường X, quận Y, thành phố Hải Phòng; bị cáo PVK cho UBND phường AC, quận AD, thành phố Hải Phòng; bị cáo NKN cho UBND phường AH, quận AI, thành phố Hải Phòng; bị cáo VQH cho UBND xã AM, huyện C, thành phố Hải Phòng; bị cáo PKH cho UBND phường AR, quận K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Ghi nhận bị cáo NAT đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền phạt tại Biên lai thu tiền số 4084 ngày 02/8/2017; bị cáo PVT đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 4086 ngày 03/8/2017; bị cáo PVK đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 4089 ngày 03/8/2017; bị cáo NKN nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 4091 ngày 03/8/2017; bị cáo PHC đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 4090 ngày 03/8/2017; bị cáo HDN đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 4087 ngày 03/8/2017; bị cáo TVL nộp 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 4085 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- Tòa án cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an cấp sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương